

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2022/DS-ST
Ngày 26-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Ông Huỳnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 507/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, tòa nhà Sailing Tower, số 111A đường Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H, ông Nguyễn Thế V, bà Tạ Thị Thùy D; cùng địa chỉ: đường U, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 20/9/2021 (ông Nguyễn Khánh H và bà Tạ Thị Thùy D: vắng mặt; ông Nguyễn Thế V: có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Long G, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2021 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/7/2018 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và bị đơn ông Nguyễn Long G có ký Hợp đồng tín dụng số 445398.HDTD.VIB802.18 với nội dung: nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 110.000.000 đồng; mục đích vay vốn để đáp ứng nhu cầu về tiêu dùng; thời hạn vay là 48 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; lãi suất vay là 17,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; bị đơn phải trả 3.202.581 đồng vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 15/8/2018; trả phí theo quy định tại biểu phí của nguyên đơn từng thời kỳ. Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 09/7/2018 nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền 110.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc là 4.558.004 đồng, tiền lãi là 5.109.084 đồng, tổng cộng là 9.667.088 đồng, sau đó thì bị đơn không tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn nữa, nên nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/12/2018.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không gặp được bị đơn. Vì vậy, ngày 20/9/2021 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/9/2021 là 170.308.377 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 105.441.996 đồng, lãi trong hạn là 24.184.678 đồng, lãi quá hạn là 40.681.703 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi bị đơn trả hết khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Vì đây là khoản vay cá nhân nên nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 200.902.082 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 105.441.996 đồng, lãi trong hạn là 47.420.855 đồng, lãi quá hạn là 48.039.231 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2022 đến khi bị đơn trả hết khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 20/9/2021, Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn cho bị đơn vay theo hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc và lãi là 200.902.082 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là 105.441.996 đồng, lãi trong hạn là 47.420.855 đồng, lãi quá hạn là 48.039.231 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 445398.HDTD.VIB802.18 ngày 04/7/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/7/2018 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất trong hạn là 17,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất

trong hạn, lãi suất quá hạn và thời gian tính lãi đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/7/2018, bị đơn đã được nguyên đơn giải ngân 110.000.000 đồng, hàng tháng bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi là 3.202.581 đồng. Tính đến thời điểm xét xử, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn được 4.558.004 đồng tiền nợ gốc và 5.109.084 đồng tiền lãi, tổng cộng là 9.667.088 đồng; bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền gốc là 105.441.996 đồng, lãi trong hạn là 47.420.855 đồng, lãi quá hạn là 48.039.231 đồng, tổng cộng là 200.902.082 đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ bị đơn từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 105.441.996 đồng, tiền lãi trong hạn là 47.420.855 đồng, tiền lãi quá hạn là 48.039.231 đồng, tổng cộng là 200.902.082 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ trên:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn xác nhận khoản nợ trên là khoản vay cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, xét thấy, đây là ý chí và sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.045.104 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Long G phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 445398.HDTD.VIB802.18 ngày 04/7/2018 là 200.902.082 (Hai trăm triệu chín trăm lẻ hai nghìn không trăm tám mươi hai) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Long G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì lãi suất ông Nguyễn Long G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Long G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.045.104 (Mười triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm lẻ bốn) đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 4.257.709 (Bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm lẻ chín) đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0044839 ngày 17/6/2022 của Chi Cục Thi hành án huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài